

Số: 15 /TB-ĐHHD

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 02 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc tuyển sinh đào tạo liên thông, vừa làm vừa học trình độ đại học Đợt 1 - Năm 2023

Thực hiện Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường Đại học Hồng Đức (ban hành kèm theo Quyết định số 81/QĐ-ĐHHD ngày 11/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức), Đề án tuyển sinh đào tạo liên thông, vừa làm vừa học trình độ đại học năm 2023, Nhà trường thông báo tuyển sinh đợt 1 năm 2023 cụ thể như sau:

1. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

1.1. Đối tượng tuyển sinh

- Người học tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học đăng ký xét tuyển học liên thông lên trình độ đại học theo hình thức chính quy hoặc vừa làm vừa học;
- Người học tốt nghiệp trung học phổ thông đăng ký xét tuyển học trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học.

1.2. Hình thức đào tạo

- Đào tạo chính quy: Hoạt động giảng dạy từ 6h30' đến 21h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 7; những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo (thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến) có thể được thực hiện cả ngày chủ nhật.
- Đào tạo hình thức vừa làm vừa học: Hoạt động giảng dạy vào các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và linh hoạt các ngày trong tuần.

1.3. Thời gian đào tạo

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học: 1,5 năm đến 3 năm
- Thí sinh có bằng tốt nghiệp trung cấp: 2,5 năm đến 5 năm
- Thí sinh có bằng tốt nghiệp THPT: 4 năm đến 6 năm

2. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Trường Đại học Hồng Đức thực hiện tuyển sinh đồng thời bằng cả hai phương thức xét tuyển, cụ thể:

Phương thức 1: Sử dụng kết quả điểm trung bình tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học.

Phương thức 2: Sử dụng kết quả học tập ở bậc trung học phổ thông và thi năng khiếu đối với ngành có tổ hợp môn năng khiếu.

3. NGÀNH VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)		
			Liên thông chính quy	Liên thông vừa làm vừa học	Vừa làm vừa học
1.	Sư phạm Toán học	7140209	20	15	50
2.	Sư phạm Vật lý	7140211	4	9	30
3.	Sư phạm Hóa học	7140212	4		
4.	Sư phạm Sinh học	7140213	4		

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)		
			Liên thông chính quy	Liên thông vừa làm vừa học	Vừa làm vừa học
5.	Sư phạm Ngữ văn	7140217	16	12	40
6.	Sư phạm Lịch sử	7140218	6	10	30
7.	Sư phạm Địa lý	7140219	6		
8.	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	30	23	75
9.	Giáo dục Tiểu học	7140202	70	53	175
10.	Giáo dục Mầm non	7140201	60	45	150
11.	Giáo dục Thể chất	7140206	16	12	40
12.	Sư phạm Tin học	7140210	0	0	25
13.	Sư phạm KH Tự nhiên	7140247	0	0	25
14.	Kế toán	7340301	50	23	75
15.	Quản trị kinh doanh	7340101	24	11	36
16.	Tài chính-Ngân hàng	7340201	16	11	36
17.	Kiểm toán	7340302	8		
18.	Luật	7380101	40	18	60
19.	Công nghệ thông tin	7480201	20	9	30
20.	Kỹ thuật xây dựng	7580201	10	10	30
21.	Kỹ thuật điện	7520201	10		
22.	Chăn nuôi-Thú y	7620106	0	0	21
23.	Khoa học cây trồng	7620110	0		
24.	Kinh tế	7310101	8	16	48
25.	Du lịch	7810101	8		
26.	Quản lý TN và MT	7850101	4		
27.	Quản lý đất đai	7850103	0		
28.	Tâm lý học	7310401	8		
29.	Ngôn ngữ Anh	7220201	40	18	60

3. ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ VÀ PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

3.1. Đào tạo liên thông từ trung cấp, cao đẳng, đại học

a) Đối với các ngành đào tạo giáo viên

- **Điều kiện đăng ký:** Người học tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học các ngành đào tạo giáo viên đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Học lực lớp 12 đạt loại giỏi trở lên hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 8,0 trở lên;

+ Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

+ Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;

+ Tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

Riêng ngành Giáo dục Thể chất, được áp dụng một trong các điều kiện sau:

+ Học lực lớp 12 đạt loại khá hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 6,5 trở lên;

+ Tốt nghiệp THPT loại khá, hoặc có học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

+ Tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại khá trở lên.

Đối với người học đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019, cần: Xếp loại tốt nghiệp từ trung bình trở lên.

- **Phương thức xét tuyển:** Xét tuyển dựa vào kết quả điểm trung bình chung học tập toàn khóa được ghi trong bảng điểm (hoặc phụ lục văn bằng) tốt nghiệp trình độ trung cấp/cao đẳng/đại học + điểm ưu tiên (nếu có).

b) Đối với các ngành ngoài nhóm ngành đào tạo giáo viên

- **Điều kiện đăng ký:** Người học tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học.

- **Phương thức xét tuyển:** Xét tuyển dựa vào kết quả điểm trung bình chung học tập toàn khóa được ghi trong bảng điểm (hoặc phụ lục văn bằng) tốt nghiệp trình độ trung cấp/cao đẳng/đại học + điểm ưu tiên (nếu có).

3.2. Đào tạo vừa làm vừa học từ học sinh trung học phổ thông

a) Điều kiện đăng ký các ngành đào tạo giáo viên: Người học tốt nghiệp trung học phổ thông và đáp ứng cả 02 điều kiện sau:

+ Học lực lớp 12 đạt loại giỏi trở lên hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 8,0 trở lên hoặc điểm trung bình xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

+ Điểm trung bình chung 3 môn học thuộc tổ hợp môn xét tuyển của 3 học kỳ (kỳ 1, kỳ 2 lớp 11 và kỳ 1 lớp 12) ở trung học phổ thông từ 7,0 trở lên (theo thang điểm 10).

Các ngành có tổ hợp môn thi năng khiếu (ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học) là điểm trung bình chung 2 môn.

Riêng ngành Giáo dục Thể chất:

+ Học lực lớp 12 đạt loại khá trở lên hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 6,5 trở lên hoặc điểm trung bình xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

+ Điểm trung bình chung 2 môn học thuộc tổ hợp môn xét tuyển của 3 học kỳ (kỳ 1, kỳ 2 lớp 11 và kỳ 1 lớp 12) ở trung học phổ thông từ 6,0 trở lên (theo thang điểm 10).

b) Điều kiện đăng ký các ngành ngoài nhóm ngành đào tạo giáo viên: Người học tốt nghiệp trung học phổ thông và có điểm trung bình chung 3 môn học thuộc tổ hợp môn xét tuyển của 3 học kỳ (kỳ 1, kỳ 2 lớp 11 và kỳ 1 lớp 12) ở trung học phổ thông từ 5.0 trở lên (theo thang điểm 10).

c) Ngành, mã ngành và tổ hợp môn xét tuyển

TT	Ngành học	Mã ngành	(Mã tổ hợp): Tổ hợp môn xét tuyển	Ghi chú
1	Sư phạm Toán học	7140209	(A00): Toán-Lý-Hóa (A01): Toán-Lý-T.Anh (A02): Toán-Lý-Sinh (D07): Toán-Hóa-T.Anh	
2	Sư phạm Vật lý	7140211	(A00): Toán-Lý-Hóa (A01): Toán-Lý-T.Anh (A02): Toán-Lý-Sinh (C01): Văn-Toán-Lý	
3	Sư phạm Hóa học	7140212	(A00): Toán-Lý-Hóa (B00): Toán-Hóa-Sinh (D07): Toán-Hóa-T.Anh (D12): Văn-Hóa-T.Anh	

TT	Ngành học	Mã ngành	(Mã tổ hợp): Tổ hợp môn xét tuyển	Ghi chú
4	Sư phạm Sinh học	7140213	(A02): Toán-Lý-Sinh (B00): Toán-Hóa-Sinh (B03): Toán-Sinh-Văn (D08): Toán-Sinh-T.Anh	
5	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	7140247	(A00): Toán-Lý-Hóa (A02): Toán-Lý-Sinh (B00): Toán-Hóa-Sinh (C01): Văn-Toán-Lý	
6	Sư phạm Tin học	7140210	(A00): Toán-Lý-Hóa (A01): Toán-Lý-T.Anh (D01): Văn-Toán-T.Anh (D84): Toán-GDCD-T.Anh	
7	Sư phạm Ngữ văn	7140217	(C00): Văn-Sử-Địa (C19): Văn-Sử-GD công dân (C20): Văn-Địa-GD công dân (D01): Văn-Toán-T.Anh	
8	Sư phạm Lịch sử	7140218	(C00): Văn-Sử-Địa (C03): Văn-Toán-Sử (C19): Văn-Sử-GD công dân (D14): Văn-Sử-T.Anh	
9	Sư phạm Địa lý	7140219	(A00): Toán-Lý-Hóa (C00): Văn-Sử-Địa (C04): Văn-Toán-Địa (C20): Văn-Địa-GD công dân	
10	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	(A01): Toán-Lý-T.Anh (D01): Văn-Toán-T.Anh (D09): Toán-Sử-T.Anh (D10): Toán-Địa-T.Anh	
11	Giáo dục Tiểu học	7140202	(A00): Toán-Lý-Hóa (C00): Văn-Sử-Địa (D01): Văn-Toán-T.Anh (M00): Văn-Toán-Năng khiếu (<i>Đọc diễn cảm và Hát</i>)	
12	Giáo dục Mầm non	7140201	(M00): Văn-Toán-Năng khiếu (M05): Văn-Sử-Năng khiếu (M07): Văn-Địa-Năng khiếu (M11): Văn-T.Anh-Năng khiếu (<i>Đọc diễn cảm và Hát</i>)	
13	Giáo dục thể chất	7140206	(T00): Toán-Sinh-Năng khiếu (T02): Toán-Văn-Năng khiếu (T05): Văn-GDCD-Năng khiếu (T07): Văn-Địa-Năng khiếu (<i>Bật xa tại chỗ và Chạy 100m</i>)	
14	Kế toán	7340301	(A00): Toán-Lý-Hóa (C04): Văn-Toán-Địa (C14): Văn-Toán-GD công dân (D01): Văn-Toán-T.Anh	

TT	Ngành học	Mã ngành	(Mã tổ hợp): Tổ hợp môn xét tuyển	Ghi chú
15	Quản trị kinh doanh	7340101	(A00): Toán-Lý-Hóa (C04): Văn-Toán-Địa (C14): Văn-Toán-GD công dân (D01): Văn-Toán-T.Anh	
16	Tài chính-Ngân hàng	7340201	(A00): Toán-Lý-Hóa (C04): Văn-Toán-Địa (C14): Văn-Toán-GD công dân (D01): Văn-Toán-T.Anh	
17	Kiểm toán	7340302	(A00): Toán-Lý-Hóa (C04): Văn-Toán-Địa (C14): Văn-Toán-GD công dân (D01): Văn-Toán-T.Anh	
18	Luật	7380101	(A00): Toán-Lý-Hóa (C00): Văn-Sử-Địa (C19): Văn-Sử-GD công dân (C20): Văn-Địa- GD công dân	
19	Kỹ thuật xây dựng	7580201	(A00): Toán-Lý-Hóa (A01): Toán-Lý-T.Anh (A02): Toán-Lý-Sinh (B00): Toán-Hóa-Sinh	
20	Kỹ thuật điện	7520201	(A00): Toán-Lý-Hóa (A01): Toán-Lý-T.Anh (A02): Toán-Lý-Sinh (B00): Toán-Hóa-Sinh	
21	Công nghệ thông tin	7480201	(A00): Toán-Lý-Hóa (A01): Toán-Lý-T.Anh (D01): Văn-Toán-T.Anh (D84): Toán-GDCD-T.Anh	
22	Khoa học cây trồng	7620110	(A00): Toán-Lý-Hóa (B00): Toán-Hóa-Sinh (C14): Văn-Toán-GD công dân (C20): Văn-Địa-GD công dân	
23	Chăn nuôi-Thú y	7620106	(A00): Toán-Lý-Hóa (B00): Toán-Hóa-Sinh (C14): Văn-Toán-GD công dân (C20): Văn-Địa-GD công dân	
24	Quản lý đất đai	7850103	(A00): Toán-Lý-Hóa (B00): Toán-Hóa-Sinh (C14): Văn-Toán-GD công dân (C20): Văn-Địa-GD công dân	
25	Ngôn ngữ Anh	7220201	(A01): Toán-Lý-T.Anh (D01): Văn-Toán-T.Anh (D14): Văn-Sử-T.Anh (D66): Văn-GD công dân-T.Anh	
26	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	(A00): Toán-Lý-Hóa (C00): Văn-Sử-Địa (C20): Văn-Địa-GD công dân (D66): Văn-GD công dân-T.Anh	

TT	Ngành học	Mã ngành	(Mã tổ hợp): Tổ hợp môn xét tuyển	Ghi chú
27	Du lịch	7810101	(C00): Văn-Sử-Địa (C19): Văn-Sử-GD công dân (C20): Văn-Địa-GD công dân (D66): Văn-GD công dân-T.Anh	
28	Kinh tế	7310101	(A00): Toán-Lý-Hóa (C04): Văn-Toán-Địa (C14): Văn-Toán-GD công dân (D01): Văn-Toán-T.Anh	
29	Tâm lý học	7310401	(B00): Toán-Hóa-Sinh (C00): Văn-Sử-Địa (C19): Văn-Sử-GD công dân (D01): Văn-Toán-T.Anh	

4. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

- Phiếu tuyển sinh (ghi đầy đủ các thông tin - theo mẫu);
- 03 bản sao công chứng: Bằng tốt nghiệp và bằng điểm tương ứng;
- 01 bản sao công chứng: Bằng THPT và học bạ THPT;
- Giấy xác nhận thời gian công tác (đối với những thí sinh đăng ký xét tuyển nhóm ngành đào tạo giáo viên);
- Giấy xác nhận được hưởng chế độ ưu tiên khác (nếu có);
- Bản sao giấy khai sinh;
- 2 ảnh 3 x 4 (sau ảnh ghi họ và tên, ngày tháng năm sinh);
- 2 phong bì dán tem, ghi nơi gửi: Trường Đại học Hồng Đức; họ tên, địa chỉ người nhận.

5. HỌC PHÍ

Thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và quy định về mức thu học phí theo năm học của Trường Đại học Hồng Đức.

6. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ THU NHẬN HỒ SƠ

- Thời gian thu hồ sơ: Từ ngày ban hành Thông báo đến ngày 15/4/2023.
- Thời gian xét tuyển (dự kiến): Từ ngày 15/4/2023 đến ngày 25/4/2023.
- Địa điểm phát hành, thu hồ sơ: Phòng 804, Nhà điều hành, Trường Đại học Hồng Đức

Thông tin chi tiết liên hệ: Trung tâm GDTX - Trường Đại học Hồng Đức (Phòng 202, Nhà điều hành - số 565 Quang Trung, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hoá); điện thoại: 0918068689, 0835281236, 0974.543.888; website: <http://www.hdu.edu.vn>.

Thông báo này thay thế Thông báo số 09/TB-ĐHHD ngày 16/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức. *th*

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Các Sở, Ban ngành cấp tỉnh (để phối hợp);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Lưu: VT, GDTX. *th*



Bùi Văn Dũng